

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1568 /BC-TCS

Cẩm Phả, ngày 07 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700101002 cấp lần thứ 7 ngày 05/12/2019 và Giấy xác nhận nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/05/2021.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng; Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website:Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng...ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thắng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km<sup>2</sup>, lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyển ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, mỏ than Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.

Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là

“Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV” theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng. Từ ngày 28/6/2016 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng. Từ ngày 28/2/2019 Công ty Nhà Nước nắm cổ phần chi phối 65%.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002

## 2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác và thu gom than cứng

## 3. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trong đó 01 thành viên HĐQT độc lập
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc, điều hành 04 người gồm 01 Giám đốc, 02 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:

- Cơ cấu bộ máy quản lý các phòng ban:

- |                                 |   |
|---------------------------------|---|
| 01 - Phòng kỹ thuật khai thác   | 08 - Phòng Kế toán - thống kê - tài chính |
| 02 - Phòng Trắc địa địa chất    | 09 - Phòng Tổ chức – Lao động             |
| 03 - Phòng Giám định chất lượng | 10 - Phòng Kế hoạch                       |
| 04 - Phòng điều khiển sản xuất  | 11 - Phòng Đầu tư Môi trường              |
| 05 - Phòng An toàn              | 12 - Phòng Thanh tra Bảo vệ - Kiểm toán   |
| 06 - Phòng Cơ điện vận tải      | 13 - Văn phòng                            |
| 07 - Phòng Quản lý vật tư       | 14 - Khối dân đảng                        |

- Các công trường, Phân xưởng:

- |                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 01- Công trường Khoan         | 08- Phân xưởng vận tải ô tô 6 |
| 02- Công trường Xúc tả ngắn   | 09- Phân xưởng cơ điện        |
| 03- Công trường Xúc thắng lợi | 10- Phân xưởng Sửa chữa       |
| 04- Phân xưởng vận tải ô tô 1 | 11- Công trường Gạt làm đường |
| 05- Phân xưởng vận tải ô tô 2 | 12- Phân xưởng Trạm mạng      |
| 06- Phân xưởng vận tải ô tô 3 | 13- Công trường Băng sàng     |
| 07- Phân xưởng vận tải ô tô 5 |                               |

## 4. Định hướng phát triển

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phần đầu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế

hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch điều hành SXKD năm 2022. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ moong đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra.

### 5. Các rủi ro

Năm 2022 là năm Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD: Thời tiết diễn biến bất thường cực đoan (mưa sớm vũ lượng lớn hơn so với các năm trước, năm 2022 có 121 ngày mưa = vũ lượng 3.181 mm, mùa mưa kết thúc muộn trong quý 4 làm rút ngắn thời gian khai thác khu vực đáy mỏ); trong điều kiện khai trường đang khai thác đến giới hạn kết thúc đáy mỏ mức -300m và trong giai đoạn kết thúc Dự án mỏ lộ thiên; điều kiện khai trường rất khó khăn, khối lượng mỏ tập trung tại các tầng thấp, diện khai thác hẹp, chiều cưa nhỏ, độ dốc dọc đường lớn, độ cao nâng tải cao, thiết bị vận tải cũ không được đầu tư mới, hoạt động trong điều kiện khó khăn dưới thấp làm tăng mức chi phí tiêu hao vật tư, nhiên liệu, đặc biệt giá nhiên liệu và phụ tùng vật tư năm 2022 tăng cao; chất lượng than nguyên khai khai thác chủ yếu là than có chất lượng xấu, phát sinh các yếu tố công nghệ làm tăng chi phí sản xuất đã làm ảnh hưởng đến doanh thu và cân đối tài chính của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã nỗ lực, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm, cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều hành, bảo toàn vốn.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022				
			KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU HÀNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHĐH
1	Đất đá bóc xúc	M <sup>3</sup>	22.230.000	15.450.000	15.471.816	69,60	100,14
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.200.000	2.355.523	78,52	107,07
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.200.000	1.201.796	63,25	100,15
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.000.000	1.153.727	104,88	115,37
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M <sup>3</sup> /tấn	11,70	12,88	12,87	110,00	99,92
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.512.000	2.544.079	85,37	101,28
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.249.216	103,03	100,30
-	Trong đó: D.thu than	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.225.665	102,28	99,58
6	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đ	16.633	12.221	10.265	61,71	84,0
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.616	47.911	2.170	8,82	4,53
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.902	10.878	8.828	89,15	81,15

## 2. Tổ chức và nhân sự.

### 2.1. Danh sách ban điều hành

\* Ông: PHẠM CÔNG HƯƠNG - CHỦ TỊCH HĐQT (Đến ngày 26/4/2022)

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 18 tháng 6 năm 1962
- Nơi sinh: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương
- Số chứng minh thư nhân dân: 013376754
- Địa chỉ thường trú: 88 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0912 053 520
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 21.122.469 cổ phần, trong đó:
  - + Sở hữu các nhân: 0 cổ phần – chiếm 0 %
  - + Đại diện phần vốn Nhà Nước: 21.122.469 cổ phần – chiếm 65% CP

\* Ông: TRẦN THẾ THÀNH - CHỦ TỊCH HĐQT (Từ ngày 26/4/2022)

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 18 tháng 10 năm 1962
- Nơi sinh: Sơn Tây – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hải Lĩnh – Huyện Gia Tĩnh – Tỉnh Thanh Hoá
- Số chứng minh thư nhân dân: 001062057264 cấp ngày 30/8/2021
- Địa chỉ thường trú: Số n 13 - M2 khu đô thị Yên Hoà - Phường Yên Hoà Cầu Giấy Hà Nội.

- Điện thoại liên lạc: 0913263138
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 21.122.469 cổ phần, trong đó:
  - + Sở hữu các nhân: 0 cổ phần – chiếm 0 %
  - + Đại diện phần vốn Nhà Nước: 21.122.469 cổ phần, chiếm 65% CP

\* Ông : NGUYỄN VĂN THUẬN – THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 3 năm 1970
- Nơi sinh: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Số chứng minh thư nhân dân : 100999256
- Địa chỉ thường trú: Tổ 32 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: KS Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.392 cổ phần

**\* Ông : NGUYỄN TẤN LONG – THÀNH VIÊN HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967
- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976
- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần

**\* Ông : ĐINH THÁI BÌNH – THÀNH VIÊN HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 06 năm 1976
- Nơi sinh: Cẩm phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh      022076000154
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Khu Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0974.191.996
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 580 cổ phần

**\* Ông : TRẦN SON HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC (Đến ngày 29/6/2022)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969
- Nơi sinh: Cửa ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà
- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần

**\* Ông : PHẠM THANH PHƯƠNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 7 năm 1974
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Phong - Gia Viễn - Ninh Bình
- Số chứng minh thư (thẻ căn cước): 022074003171 cấp ngày 23/5/2019
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34 - Khu 3 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kế toán, Kỹ sư Kinh tế & QTKD.
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 5.200 cổ phần

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2022 Công ty có Ông Phạm Công Hương thôi không tham gia HĐQT từ ngày 26/4/2022; Ông Trần Sơn Hà từ chức Phó giám đốc Công ty, chấm dứt HĐLĐ kể từ ngày 29/6/2022.

## 2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2022 là 2.114 người.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của Nhà Nước ban hành. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2022: 10.265 triệu đồng.

## 4. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.420.072.299.882	1.795.087.573.788
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	3.237.000.594.683	2.675.815.388.106
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-7.614.034.743	48.867.690.411
4	Lợi nhuận khác	9.784.042.331	662.917.420
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.170.007.558	49.530.607.831
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1.573.989.815	38.084.741.911

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2021
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,79	0,65
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	Lần	3,22	3,86
3	Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ)	Lần	4,34	4,12
4	Vòng quay hàng tồn kho (DTT/HTK)	Lần	7,84	6,02
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,48	11,50
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,10	2,15

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần phổ thông, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

### b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 21.122.469 cổ phần chiếm 65,%;
- Các cổ đông khác: 11.373.636 cổ phiếu chiếm 35%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

e) Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.**

**6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 718,339 tỷ đồng**

**6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:**

- Nhiên liệu: 668,802 tỷ đồng

- Động lực: 49,536 tỷ đồng

**6.3. Tiêu thụ nước:**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, trong năm lượng nước Công ty sử dụng: 14.413 m<sup>3</sup>

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm công ty đã nộp 36,965 tỷ đồng tiền phí bảo vệ môi trường.

Công ty luôn thực hiện tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường, không để xảy ra vi phạm.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.171 người

- Tiền lương bình quân: 8.828.496 đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ lần 1 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức cho CBCNV sức khỏe yếu được đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị theo quy định của TKV.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương**

- Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt có sự giám sát của chính quyền địa phương. Tần suất quan trắc môi trường 04 lần/năm với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước, quan trắc dịch động khu vực bãi thải.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ năm 2022 tại Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu -Vinacomin được Công ty CP Tin học Công nghệ Môi trường -

Vinacomin thực hiện, các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN cũng như tiêu chuẩn của địa phương đã ban hành.

- Hằng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường, tưới nước dập bụi các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Quản lý và vận hành có hiệu quả Trạm rửa xe tự động các tuyến đường dân sinh, Trạm xử lý nước thải đảm bảo các quy chuẩn đề ra.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty trong năm 2022: 29,7 tỷ đồng.

### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

#### **a) Xử lý nước thải công nghiệp**

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo QCVN 40-2011/BTNMT và tiêu chuẩn địa phương QCVN 4:2020/QN.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2022: 8.085.537 m<sup>3</sup> giá trị xử lý: 18,6 tỷ đồng.

#### **b) Xử lý nước thải sinh hoạt**

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng Ninh - Xi nghiệp nước Cẩm phá phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 điểm tại Công ty.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT.

#### **c) Xử lý khí thải, bụi**

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu và sửa chữa các thiết bị máy mỏ hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì 10 xe Stec chở nước dung tích từ 12-20m<sup>3</sup> và cải hoán 04 xe HD 435-7 dung tích 35m<sup>3</sup> phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường Công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Vận hành có hiệu quả 06 hệ thống phun sương dập bụi công suất lớn tại khu vực Sàng tuyển và bãi thải Đông Cao Sơn, khai thác tối đa năng lực 04 xe cải hoán HD-465 chở nước phục vụ tưới nước chống bụi khu vực khai trường đặc biệt là khu vực bãi thải Đông Cao Sơn.

- Chủ động chuẩn bị sẵn sàng các nguồn nước phục vụ công tác vệ sinh công nghiệp cũng như tưới nước chống bụi khu vực khai thác và bãi thải.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng, và tăng cường che phủ bạt các đồng than cấp liệu cũng như thành phẩm.



**d) Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt**

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: săm lốp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, bảo quản riêng tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 721 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý gần 25,44 tấn.

- Chất thải nguy hại và chất thải y tế: Được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho Công ty CPTM Hải Đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý trong năm 367 tấn.

- Tổng giá trị xử lý chất thải: 2,3 tỷ đồng.

**e) Quan trắc môi trường định kỳ**

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rè, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rè), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.

- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện trong năm: 828 triệu đồng

**f) Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường**

- Tổ chức trồng cây phục hồi môi trường khu vực kết thúc đổ thải cũng như tạo cảnh quan môi trường tại mặt bằng sản xuất các đơn vị với tổng diện tích 29,01ha (tương ứng 218.727 cây các loại) trong đó có 4,32 ha cây Lim, Lát, Giổi bản địa theo Đề án trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng chính phủ phát động và Nghị Quyết số 08-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về kế hoạch trồng rừng năm 2022 đối với các loài cây Lim, Lát, Giổi bản địa.

**g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường**

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 14 cho năm 2022 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 3,563 tỷ đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh xác nhận.

**h) Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư**

- Năm 2022, Công ty đã tổ chức phối hợp với công ty Môi trường TKV triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường hoàn thành trước mùa mưa bão và không có sự cố xảy ra trong mùa mưa bão liên quan đến khu dân cư.



### **i) Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn**

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đổ thải H10 Mông Dương đã được đầu tư trong năm 2022 không để xảy ra sự cố.

## **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a) Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ**

- Trong năm Công ty đã tập trung chỉ đạo, thực hiện các phương án hạ moomng, khai thác than 6 tháng đầu năm, phương án khai thác trong mùa mưa và phương án khai thác than quý IV/2002; thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn khu vực đáy moong.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác cơ bản thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; đã tập trung cải thiện các điều kiện khai thác, điều kiện làm việc; trong đó đã tập trung bóc đất, giảm tải tại các khu vực trung tâm, mở diện khai thác than khu vực moong; duy trì đổ thải hợp lý, linh hoạt. Thực hiện xử lý khu vực tụt lở bờ mỏ cánh Bắc, cánh Nam.

- Công tác điều hành sản xuất: Cơ bản thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Chỉ đạo điều hành hợp lý giữa khâu sản xuất, công nghệ và tiêu thụ; tăng cường sản xuất, chế biến than sạch từ SPNT phục vụ tiêu thụ.

- Tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Trong năm Công ty đã cân đối năng lực sản xuất và đưa 06 máy xúc điện, 04 máy khoan điện, 13 thiết bị vận tải và 04 thiết bị công tác khác vào niêm cất và tổ chức thanh lý.

- Ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong SXKD: Công ty quản lý, theo dõi sử dụng, phát huy hiệu quả 232 thiết bị GPS, 180 cảm biến nhiên liệu, 44 camera, tự động hóa khâu bơm nước moong và hệ thống bơm nước đập bụi trên khai trường. Tổ chức triển khai công tác nhật lệnh sản xuất, giao việc trực tuyến bằng phần mềm từ ngày 01/10/2022.

- Công tác quản lý, mua bán, sử dụng vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất được thực hiện đúng theo các quy chế, quy định của Nhà nước, của Tập đoàn và Công ty.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo kế hoạch; thực hiện cơ bản tốt các biện pháp phòng, chống mưa bão theo phương án. Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác PCMB, PCTT, TKCN.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên theo quy định.

#### **b) Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động**

- Công ty tập trung thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Công ty hiện còn 13 công trường, phân xưởng, 13 phòng quản lý; đảm bảo theo mô hình của Tập đoàn TKV.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động. Năm 2022 Công ty giảm tuyệt đối được 105 lao động, tổng số lao động đến 31/12/2022 là 2.114 người (nữ 432).

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2022 giảm 4,45% so với năm 2021.

- Công ty tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Rà soát, thanh lý tài sản, xử lý tồn đọng liên quan đến tài sản, đất đai, tài chính; chuẩn bị cho việc thẩm định giá trị doanh nghiệp...

- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo quy định; quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2025-2030; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty giai đoạn 2020-2025.

### **3. Công tác quản trị chi chí, kinh tế tài chính**

- Trong năm Công ty đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế sản xuất và tiêu thụ.

- Công ty đã phối hợp cùng Công ty tư vấn rà soát hoàn thiện Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2020-2024, đề xuất và triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch giai đoạn 2022-2025 phù hợp với giai đoạn kết thúc Mỏ than Cọc Sáu để báo cáo Tập đoàn TKV.

- Tổ chức giao khoán chi phí năm 2022 cho các bộ phận, đơn vị trong Công ty; đánh giá từng tháng, quý để đề ra các giải pháp thực hiện.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin khảo sát xây dựng và ban hành tạm thời “Bộ định mức tiêu hao vật tư chủ yếu cho thiết bị Cơ điện vận tải trong nội bộ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin”.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; Công ty nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 594 tỷ 786 triệu đồng.

#### **d) Công tác đời sống, xã hội**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; tạo đủ việc làm, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBCN; triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của các cấp.

- Tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền; duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 1 tỷ 726 triệu đồng.

#### **e) Công tác đầu tư, quản lý đất đai**

- Công ty cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 03 dự án chuyển tiếp của năm 2021 và 01 dự án khởi công mới. Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2022 là 10 tỷ 265 triệu đồng, đạt 84% kế hoạch điều chỉnh năm 2022.

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy định. Trong năm Công ty đã triển khai rà soát công tác quản lý đất đai, hoàn thiện các thủ tục pháp lý đất đai được giao quản lý, đất thuê; hoàn thành gia hạn thời gian sử dụng đất khu vực khai trường.

- Tiếp tục phối hợp với địa phương giải quyết giải phóng mặt bằng phục vụ đô thị; triển khai thực hiện các bước liên quan đến bàn giao cụm dân cư khu bãi biển 10/10 theo quy định của pháp luật.

#### **f) Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ**

- Năm 2022 Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ; bổ sung các biện pháp trong công tác bảo vệ than đầu nguồn và tiêu thụ than. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn, cải thiện các điều kiện làm việc; bổ sung ban hành một số quy định, quy trình kỹ thuật an toàn cho phù hợp với thiết bị và điều kiện sản xuất.

#### **2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế**

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ.

- Thực hiện công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh.

- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh năm. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước; bảo toàn vốn kinh doanh.

#### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động để nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cân đối tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

- Triển khai các dự án theo quy hoạch của TKV.

#### **5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Không có ý kiến của Kiểm toán.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2022, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt năng suất lao động, năng suất thiết bị, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tư tưởng cán bộ CNVC - LĐ ổn định và đã chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện rõ

vai trò, trách nhiệm và chủ động thực hiện, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý và điều hành. Công nhân lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tận dụng tối đa thời gian làm việc để nâng cao giờ lao động làm ra sản phẩm. Những kết quả nêu trên của Tập thể CBCNV - LĐ Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành Kế hoạch SXKD. Bảo toàn vốn kinh doanh.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

Trong năm 2022, Giám đốc và bộ máy điều hành đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, triển khai thực hiện nghiêm các Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông giao; thực hiện đầy đủ các điều khoản hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển than với Tập đoàn TKV. Kết quả năm 2022, Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều hành, bảo toàn vốn kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách với Nhà nước.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

## **3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT**

Năm 2023 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức mới: Điều kiện khai thác và khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, đáy moong tiếp xuống sâu hơn, diện khai thác hẹp, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, địa chất phức tạp, tài nguyên khó khăn; tình hình thời tiết diễn biến khó lường... để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đề ra một số giải pháp để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

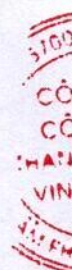
- Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động; tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất. Căn cứ vào tình hình thực tế để điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

- Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; rà soát, tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện Phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.



- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên, cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	01/05/2019	26/04/2022
2	Ông Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	26/04/2022	
3	Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT- Giám đốc	27/04/2017	
4	Nguyễn Văn Tứ	Thành viên HĐQT (không điều hành)	16/05/2020	26/04/2022
5	Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc	26/04/2012	
6	Ông Trần Đức Kha	TV HĐQT, PBT Đảng ủy (không điều hành)	27/04/2017	26/04/2022
7	Ông Đinh Thái Bình	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc	26/04/2022	
8	Ông Lưu Hoàng Sinh	TV. HĐQT độc lập	26/04/2022	

Trong 08 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty, 04 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành, 01 thành viên HĐQT độc lập, trong đó có 03 thành viên không tham gia HĐQT đến ngày 26/4/2022. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Cọc Sáu – Vinacomin đa số hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được quy định trong luật doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

HĐQT đã ban hành các qui chế, qui định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

### **b) Các tiểu ban thuộc HĐQT (không có)**

Các phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty đã tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ban thư ký đã thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch. Ghi chép các biên bản họp HĐQT.

### **c) Hoạt động của HĐQT**

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã họp 26 phiên, ban hành 131 văn bản theo thẩm quyền (trong đó gồm 56 Nghị quyết và 75 quyết định, văn bản khác). HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều hành.

Năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 26/4/2022 và kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

### **d) Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Các thành viên HĐQT không điều hành tham gia đầy đủ các phiên họp và được giao nhiệm vụ theo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của mỗi người, các thành viên HĐQT không điều hành đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

Thành viên độc lập HĐQT hoạt động tuân thủ các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT để thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT, các hoạt động SXKD của Công ty; giám sát triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; tham gia thẩm tra, thẩm định các lĩnh vực công tác chăm lo đời sống của người lao động; công tác xã hội, thi đua khen thưởng, văn hóa thể thao. Trong năm 2022 thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được phân công.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động độc lập và kiêm nhiệm.

- |                            |                            |
|----------------------------|----------------------------|
| 1- Bà Nguyễn thị Lương Anh | - Trưởng ban               |
| 2- Bà Trần Thị Diệp        | - Thành viên (kiêm nhiệm); |

1002  
G TY  
PHÂN  
C S  
COMI  
-T.QUA

3- Bà Vũ Thiện Thành

- Thành viên (kiêm nhiệm).

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban giám đốc Công ty, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam khi được mời tham dự và tham gia góp ý kiến nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

**2. Thu nhập của các TV HĐQT, Ban kiểm soát, người quản lý Công ty****a) Lương, thưởng, thù lao năm 2022**

TT	Họ và tên	Chức vụ kiêm nhiệm tại công ty	Thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, thư ký	Tiền lương
<b>I</b>	<b>HĐQT VÀ NGƯỜI QL</b>		<b>412.080.000</b>	<b>1.533.959.000</b>
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT	41.120.000	
2	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	20.560.000	
3	Nguyễn Văn Tứ	Ủy viên HĐQT	17.520.000	
4	Trần Đức Kha	Ủy viên HĐQT	17.520.000	101.879.000
5	Lưu Hoàng Sinh	UV HĐQT độc lập	175.200.000	
6	Nguyễn Văn Thuấn	UV HĐQT - Giám đốc	52.560.000	355.680.000
7	Nguyễn Tấn Long	UV HĐQT - PGĐ	52.560.000	315.360.000
8	Đình Thái Bình	UV HĐQT - PGĐ	35.040.000	315.360.000
9	Trần Sơn Hà	Phó Giám đốc		157.680.000
10	Phạm Thanh Phương	Kế toán trưởng		288.000.000
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>160.080.000</b>	<b>320.852.000</b>
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng ban KS	54.960.000	
2	Trần Thị Diệp	Ủy viên ban KS	52.560.000	154.113.000
3	Vũ Thiện Thành	Ủy viên ban KS	52.560.000	166.739.000
<b>III</b>	<b>THƯ KÝ HĐQT</b>		<b>51.040.000</b>	<b>163.841.000</b>
1	Nguyễn Trung Thành	Thư ký HĐQT	51.040.000	163.841.000
	<b>Tổng số</b>		<b>623.200.000</b>	<b>2.018.652.000</b>



b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:**  
Không có

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (có phụ lục số 01 kèm theo)**

d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2022, Công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NP-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.Cocsau.com/](http://www.Cocsau.com/).

Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin trân trọng báo cáo./.

#### Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDC KHN (b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD (e-copy);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KTTTC (Ng, H 04).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuán



## Phụ lục số 01

## GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 1568/BC-TCS, ngày 07 tháng 4 năm 2023)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV). Các Công ty trực thuộc gồm: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; - Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin.	Cổ đông lớn	Mã số DN 5700100256 Sở KH và ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Hàng năm	Điều lệ TKV Số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022	Hợp đồng PHKD: HĐ nguyên tắc gồm: Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị giao dịch: 3.493.637.803.086 đồng	TKV năm giữ 65%. Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
2	Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Ông Trần Thế Thành Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty	Mã số DN 5700100707; Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022	Mua, bán xăng dầu, dầu nhớt, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ SXKD. Tổng giá trị giao dịch: 784.642.236.471 đồng	Giá trị của các hợp đồng giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Ông Phạm Công Hương Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV là Chủ tịch HĐQT Công ty	Mã số DN 5700100425 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 18/3/2022 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Hợp đồng về lĩnh vực môi trường, xử lý nước thải; hợp đồng thu gom xử lý chất thải nguy hại; hợp đồng đóng góp sửa chữa đường.	

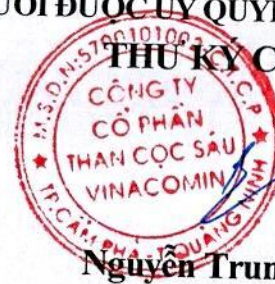


							Tổng giá trị giao dịch: 24.424.155.791 đồng
4	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	Ông Phạm Công Hương Thành viên HDQT Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin là Chủ tịch HDQT Công ty	Mã số DN 5700101637 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Điều lệ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Hợp đồng mua/bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Tổng giá trị giao dịch: 386.933.760 đồng
5	Công ty cổ phần Chế tạo Máy - Vinacomin	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HDQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy - Vinacomin là Thành viên HDQT Công ty	Mã số DN 5700101203 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 20/NQ- HDQT ngày 18/3/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Hợp đồng sửa chữa tài sản cố định, thiết bị cố định, hợp đồng mua bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Tổng giá trị giao dịch: 17.581.147.303 đồng
6	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	Ông Nguyễn Văn Tứ Thành viên HDQT cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin là Thành viên HDQT Công ty	Mã số DN 570088996 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Số 108, Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 20/NQ- HDQT ngày 18/03/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Hợp đồng mua/bán vật tư, hợp đồng sửa chữa phụ tùng và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị giao dịch: 581.636.000 đồng
7	Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Uông Bí	Ông Nguyễn Văn Tứ Thành viên HDQT cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin là Thành viên HDQT Công ty	Mã số DN 5700623552 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Phương Đông, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 20/NQ- HDQT ngày 18/03/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Hợp đồng sửa chữa tài sản cố định, thiết bị vận tải; mua/bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Tổng giá trị giao dịch: 4.579.676.142 đồng
8	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin - Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại -	Bà Nguyễn Thị Lương Anh Thành viên BKS Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại -	Mã số DN 0100101298 Sở KH và ĐT Hà Nội	Tầng 8 Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch vọng Hậu,	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 20/NQ- HDQT ngày 18/03/2022 và Nghị quyết số 53/NQ-	Hợp đồng mua/bán vật tư, hợp đồng thuê ngoài dịch vụ phục vụ bữa ăn giữa ca, bồi

	Thương mại - Vinacomin- Chi nhánh Văn Long	Vinacomin là Trưởng Ban kiểm Công ty		Quận Cầu Giấy, Hà Nội.		HDQT ngày 06/05/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	dưỡng độc hại cho NLĐ và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Tổng giá trị giao dịch: 57.462.942.568 đồng	
9	Công ty cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin	Chủ tịch HDQT Công ty CP Than Mông Dương -Vinacomin là Chủ tịch HDQT Công ty.	MST: 5700101203	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 53/NQ- HDQT ngày 06/05/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Các lĩnh vực phục vụ SXKD theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của 02 Công ty. Chưa phát sinh giao dịch	
10	Công ty cổ phần Than Hà Tu -Vinacomin	Chủ tịch HDQT Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin là Chủ tịch HDQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin là TBKS Công ty	MST: 57001011323	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 53/NQ- HDQT ngày 06/05/2022 của HDQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Các lĩnh vực phục vụ SXKD theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của 02 Công ty. Chưa phát sinh giao dịch	
11	Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin	Tư vấn kiểm soát Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin là TBKS Công ty).	MST: 5700101299	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 53/NQ- HDQT ngày 06/05/2022 của HDQT Công ty CP Than Cọc Sáu- Vinacomin	Các lĩnh vực phục vụ SXKD theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của 02 Công ty. Tổng giá trị giao dịch: 731.499 đồng	

12	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Kiểm soát viên của Viện	MST: 0100101594	Số 3 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	Nghị quyết số 53/NQ- HĐQT ngày 06/05/2022 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Các lĩnh vực phục vụ SXKD theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của 02 Công ty. Tổng giá trị giao dịch: 2.585.623.870 đồng
----	---	---	--------------------	---	---	--	--

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
THỦ KÝ CÔNG TY



Nguyễn Trung Thành

